

Số: 2017/2007/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 17 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất
thuộc Chương trình 135 giai đoạn II (2006 - 2010)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào dân tộc và miền núi thuộc Chương trình 135 và Thông tư số 79/2007/TT-BNN ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2007/TT-BNN;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2007/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Phê chuẩn chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn II (2006 - 2010);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 645/TTr-SNN ngày 12 tháng 10 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn II, tỉnh Cao Bằng (có bản nội dung chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức, trách nhiệm thực hiện

- Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ nguồn vốn của Chương trình và số hộ nghèo hàng năm để giao chỉ tiêu kế hoạch (không chia bình quân theo xã).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các huyện, thị thực hiện đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào dân tộc và miền núi thuộc Chương trình 135 và Thông tư số 79/2007/TT-BNN ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2007/TT-BNN.

- Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo giá các loại vật tư, máy móc, thiết bị để các huyện, xã làm căn cứ lập kế hoạch thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các huyện quyết định giá thanh toán theo giá thị trường tại thời điểm mua hàng (không cao hơn giá thông báo của Sở Tài chính). Việc tạm ứng, thanh quyết toán thực hiện theo Công văn số 2849/KBNN-KHTH ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Kho bạc Nhà nước về việc hướng dẫn quản lý, thanh toán vốn Chương trình 135 giai đoạn II.

Điều 3. Hiệu lực áp dụng

Chính sách tại Quyết định này áp dụng thực hiện từ năm 2006 (chỉ tiêu vốn đã chuyển sang năm 2007) đến năm 2010.

Quyết định này thay thế Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 và nội dung Mục I (điểm 1 và điểm 2) thuộc Phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1031/2007/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh, Tài chính, Công nghiệp, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lô Ích Giang

NỘI DUNG

**Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất
thuộc Chương trình 135 giai đoạn II (2006 - 2010)**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2017/2007/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Phạm vi áp dụng

- Tại địa bàn 106 xã của tỉnh thuộc Chương trình 135 giai đoạn II theo Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.
- Các xã mới chia tách và thành lập mới sau khi được Trung ương phê duyệt bổ sung danh sách thuộc Chương trình 135 giai đoạn II.
- Các xóm đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng II được hưởng Chương trình 135 giai đoạn II.

2. Đối tượng được hỗ trợ

- Là các hộ nghèo theo chuẩn mới giai đoạn 2006 - 2010 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- Là nhóm hộ: gồm các hộ nghèo và những hộ khác đang sinh sống trên cùng địa bàn, cụm dân cư thôn, bản có nguyện vọng phát triển cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp, chế biến nông, lâm sản sau thu hoạch, xây dựng và phổ biến mô hình sản xuất. Mỗi nhóm từ 05 hộ trở lên, trong đó tỷ lệ hộ nghèo chiếm từ 60% trở lên.
- Các cơ quan quản lý dự án được hỗ trợ một phần chi phí thực hiện dự án.

3. Nội dung hỗ trợ

- Các loại vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất: giống cây trồng, vật nuôi; phân bón; thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; máy móc, thiết bị canh tác, thu hoạch, chế biến, bảo quản nông, lâm sản.
- Hỗ trợ thực hiện các nội dung sự nghiệp: công tác khuyến nông, khuyến lâm; tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất.

4. Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ cho 01 (một) hộ cả giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010 mức tối đa không quá 03 (ba) triệu đồng/hộ; hỗ trợ cho 01 (một) nhóm hộ bằng số hộ tham

gia nhân (x) với mức tiền tối đa không quá 03 triệu đồng/hộ. Trường hợp hỗ trợ cả 2 hình thức thì tổng mức hỗ trợ bình quân không được quá 03 triệu đồng/hộ.

5. Các nội dung và mức hỗ trợ cụ thể

a) Nhà nước hỗ trợ giá mua vật tư, máy móc, thiết bị

- Hỗ trợ 80% giá mua giống cây trồng, vật nuôi, giống cò chăn nuôi, phân bón vô cơ, theo định mức quy trình sản xuất hiện hành.

- Hỗ trợ 100% tiền mua các loại vacxin tiêm phòng bệnh cho gia súc, gia cầm. Hỗ trợ 50% tiền công tiêm phòng (phần còn lại - 50% do người chăn nuôi đóng góp).

- Hỗ trợ 80% giá mua và cước vận chuyển máy móc, trang thiết bị, máy canh tác, thu hoạch, chế biến, bảo quản nông, lâm sản.

b) Hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến lâm

- Đối với các mô hình chuyển giao tiên bộ kỹ thuật, công nghệ:

- + Mô hình trồng trọt: được hỗ trợ 100% giá mua giống, phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật. Diện tích mô hình không quá 300 m²/hộ và số hộ tham gia mô hình không quá 10 hộ/thôn.

- + Mô hình chăn nuôi tiểu gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản: chi phí không quá 300.000 đồng/hộ để mua giống, thức ăn, thuốc phòng, chữa bệnh và số hộ tham gia mô hình không quá 10 hộ/thôn.

- Đối với xây dựng mô hình sản xuất để nhân rộng (mỗi xã được chọn 1 trong 2 dạng sau):

- + Mô hình trồng trọt: hỗ trợ 60% giá mua giống, 40% giá mua phân bón vô cơ.

- + Mô hình chăn nuôi tiểu gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản: hỗ trợ 60% giá mua con giống, thức ăn công nghiệp.

Chi phí cho công tác tổ chức, chỉ đạo mô hình chuyển giao kỹ thuật, công nghệ và xây dựng nhân rộng mô hình sản xuất áp dụng theo Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo; các quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về chế độ công tác phí, chi phí hội nghị đối với cơ quan hành chính sự nghiệp Nhà nước và đơn vị sự nghiệp độc lập.

6. Cơ cấu sử dụng vốn

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện xem xét trên cơ sở tình hình cụ thể và tỷ lệ hộ nghèo để

phân bổ vốn cho các xã thực hiện (không chia bình quân). Cơ cấu sử dụng vốn như sau:

a) Vốn sự nghiệp

Tối đa không quá 80% tổng vốn, gồm: hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; phân bón; thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; quản lý dự án; hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm. Trong đó:

- Mua giống cây trồng, vật nuôi chiếm 50%.
- Mua phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật chiếm 40%.
- Tập huấn, trang bị kiến thức sản xuất, quản lý kinh tế nông, lâm nghiệp, cung cấp thông tin thị trường, giúp hộ nghèo phát triển sản xuất 5%.
- Quản lý chỉ đạo; lập, thẩm định dự án chiếm 5% (cấp tỉnh 1%, cấp huyện 2%, cấp xã 2%).

b) Vốn đầu tư phát triển

Tối thiểu không dưới 20% tổng vốn, gồm: hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất, chế biến, thu hoạch, bảo quản nông, lâm sản. Trong đó:

- Mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất, chế biến, bảo quản nông, lâm sản chiếm 80%.
- Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất chiếm 20%.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện tại các địa phương, nếu có vướng mắc cần kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn) và Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình 135 tỉnh) để tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lô Ích Giang